

**1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:** trường hợp các thí sinh cuối cùng của chỉ tiêu tuyển sinh có điểm thi bằng nhau, Trường ưu tiên theo thứ tự nguyện vọng đăng ký;

**2. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo**

*Chương trình Sư phạm Toán học dạy bằng song ngữ Việt - Anh*

- Đối tượng tuyển sinh: thí sinh đã trúng tuyển ngành Sư phạm Toán học (đào tạo tại trụ sở chính) có nguyện vọng học chương trình song ngữ;

- Tổ chức xét tuyển dựa vào chứng chỉ tiếng Anh hoặc bài đánh giá độc lập về năng lực tiếng Anh. Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu.

*Chương trình Sư phạm Khoa học tự nhiên dạy bằng song ngữ Việt - Anh*

- Đối tượng tuyển sinh: thí sinh đã trúng tuyển ngành Sư phạm Khoa học khoa học tự nhiên (đào tạo tại trụ sở chính) có nguyện vọng học chương trình Sư phạm Khoa học tự nhiên.

- Tổ chức xét tuyển dựa vào chứng chỉ tiếng Anh hoặc bài đánh giá độc lập về năng lực tiếng Anh. Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu.

*Chương trình Ngôn ngữ Trung Quốc - Giáo dục Hán ngữ Quốc tế liên kết giữa Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh và Đại học Sư phạm Thủ Đô (Trung Quốc)*

- Đối tượng tuyển sinh: thí sinh đã trúng tuyển vào ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, có nguyện vọng và đủ điều kiện nộp hồ sơ xét tuyển;

- Tổ chức xét tuyển dựa vào điểm trúng tuyển vào ngành Ngôn ngữ Trung Quốc của thí sinh. Xét tuyển từ cao xuống cho đến khi hết chỉ tiêu. Trường hợp các thí sinh cuối cùng của chỉ tiêu tuyển sinh có điểm thi bằng nhau, Trường ưu tiên theo mức điểm chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Trung của thí sinh.

**3. Các thông tin khác cần cho xét tuyển**

- Mã trường: SPS

- Các chương trình đào tạo giáo viên chỉ xét tuyển thí sinh đăng ký ở các nguyện vọng có thứ tự từ 01 đến 05 (căn cứ thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Quy định chênh lệch điểm giữa các tổ hợp: căn cứ vào dữ liệu tuyển sinh, điểm trúng tuyển của giữa các tổ hợp môn trong cùng một ngành có thể khác nhau;

- Điểm trúng tuyển của các ngành tuyển sinh tại các phân hiệu có thể lệch so với cơ sở chính;

- Sau khi thí sinh trúng tuyển và nhập học, Trường sẽ tiến hành kiểm tra thông tin đăng ký xét tuyển và hồ sơ minh chứng của thí sinh. Thí sinh phải chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu kết quả xét tuyển bị ảnh hưởng do có sự sai lệch giữa thông tin trên hồ sơ nhập học với thông tin thí sinh đã khai báo trên hệ thống.

- Quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ trong xét tuyển: đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT, Trường công nhận các chứng chỉ ngoại ngữ để thay thế điểm môn ngoại ngữ tương ứng trong tổ hợp xét tuyển (*chi tiết mức quy đổi theo [phụ lục 5](#)*).

## THÔNG TIN CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHÁC

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:56

---

Thí sinh trúng tuyển các ngành Sư phạm Toán học, Sư phạm Khoa học tự nhiên có thể đăng ký học chương trình Sư phạm Toán học dạy bằng song ngữ Việt - Anh, Sư phạm Khoa học tự nhiên dạy bằng song ngữ Việt - Anh nếu có nhu cầu. Trường sẽ tổ chức xét tuyển dựa trên chứng chỉ ngoại ngữ thí sinh cung cấp hoặc tổ chức bài thi đánh giá độc lập, xét tuyển từ cao xuống thấp theo thứ tự tiêu chí cho đến khi hết chỉ tiêu.

Chỉ tiêu dự kiến:

- Sư phạm Toán học dạy bằng song ngữ Việt - Anh: dự kiến 40 chỉ tiêu;
- Sư phạm Khoa học tự nhiên dạy bằng song ngữ Việt - Anh: dự kiến 30 chỉ tiêu

## 1. Công thức tính điểm theo từng phương thức xét tuyển

### 1.1. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (phương thức gốc)

$$ĐG = Đ_{M1} + Đ_{M2} + Đ_{M3}$$

trong đó:

- ĐG: Điểm theo tổ hợp xét tuyển phương thức gốc, làm tròn đến hai chữ số thập phân;
- Đ<sub>M1</sub>, Đ<sub>M2</sub>, Đ<sub>M3</sub>: Điểm môn thi thứ nhất, thứ hai, thứ ba theo tổ hợp xét tuyển.

### 1.2. Ưu tiên xét tuyển

$$ĐT = n_1 + \alpha n_2 + \beta n_3 + n_4$$

trong đó:

- ĐT: Điểm theo tiêu chí xét tuyển, làm tròn đến hai chữ số thập phân;
- n<sub>1</sub>: Điểm quy đổi theo thành tích thí sinh đạt được;
- α: Có **giá trị 1** đối với các ngành Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Trung Quốc, Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn Quốc và có **giá trị 0** đối với các ngành còn lại;
- n<sub>2</sub>: Điểm quy đổi theo tiêu chí về chứng chỉ ngoại ngữ của thí sinh;
- β: Có **giá trị 1** đối với học sinh có học lực lớp 10 và 11 chuyên đạt loại Tốt và có **giá trị 0** đối với các trường hợp còn lại;
- n<sub>3</sub>: Điểm quy đổi theo tiêu chí học sinh có học lực lớp 10 và 11 chuyên đạt loại Tốt;
- n<sub>4</sub>: Điểm trung bình học tập năm lớp 12 của thí sinh.

Chi tiết giá trị các điểm quy đổi theo [phụ lục đính kèm](#).

### 1.3. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi đánh giá năng lực chuyên biệt

$$ĐT = (0.5 \times Đ_{NL} + 0.35 \times Đ_{HB1} + 0.15 \times Đ_{HB2}) \times 3$$

trong đó:

- ĐT: Điểm theo tổ hợp xét tuyển, làm tròn đến hai chữ số thập phân;
- Đ<sub>NL</sub>: Điểm môn chính được lấy từ kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2025, 2026 hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tổ chức năm 2026 (được quy đổi về thang điểm 10);
- Đ<sub>HB1</sub>, Đ<sub>HB2</sub>: Điểm trung bình 06 học kỳ ở THPT của hai môn còn lại theo tổ hợp xét tuyển.

### 1.4. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu

$$ĐT = Đ_M + Đ_{NK1} + Đ_{NK2}$$

trong đó:

- DT: Điểm theo tổ hợp xét tuyển, làm tròn đến hai chữ số thập phân;
- Đ<sub>M</sub>: Điểm bài thi Toán hoặc Ngữ văn của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026;
- Đ<sub>NK1</sub>, Đ<sub>NK2</sub>: Điểm môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026.

1.5. Phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt kết hợp thi năng khiếu

$$DT = Đ_{NL} + Đ_{NK1} + Đ_{NK2}$$

trong đó:

- DT: Điểm theo tổ hợp xét tuyển, làm tròn đến hai chữ số thập phân;
- Đ<sub>NL</sub>: Điểm bài thi đánh giá năng lực chuyên biệt môn Toán hoặc Ngữ văn do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2025, 2026 hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tổ chức năm 2026 (được quy đổi về thang điểm 10);
- Đ<sub>NK1</sub>, Đ<sub>NK2</sub>: Điểm môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2026.

2. Các bước thực hiện quy đổi tương đương

**Bước 1:** Tính bách phân vị của điểm theo từng phương thức. Đối với các phương thức có sử dụng điểm của các kỳ thi đánh giá năng lực của các trường khác nhau, bách phân vị sẽ được tính riêng theo từng trường.

**Bước 2:** Quy đổi tương đương giữa phương thức gốc và các phương thức khác bằng phương pháp bách phân vị.

1%	a <sub>1 1</sub>	k <sub>1</sub> %	c <sub>1 1</sub>
x%	a <sub>x x</sub>	k <sub>x</sub> %	c <sub>x x</sub>
...	...	...	...
n%	a <sub>n n</sub>	k <sub>n</sub> %	c <sub>n n</sub>

trong đó:

- a, b: Biên của khoảng điểm ĐG;
- c, d: Biên của khoảng điểm tương ứng;
- k<sub>1</sub>%, k<sub>x</sub>%, ..., k<sub>n</sub>%: Mốc phân vị theo phương thức A tương đương với mốc phân vị 1%, x%, ..., n% theo phương thức gốc. Các mốc phân vị k<sub>1</sub>%, k<sub>x</sub>%, ..., k<sub>n</sub>% sẽ được Hội đồng tuyển sinh quyết định căn cứ vào dữ liệu xét tuyển của thí sinh, đối sánh kết quả học tập của thí sinh và hiệu quả tuyển sinh theo từng phương thức xét tuyển.

**Bước 3:** Quy đổi điểm trúng tuyển, ngưỡng đầu vào giữa phương thức gốc và các phương thức còn lại của từng ngành bằng kỹ thuật nội suy tuyến tính giữa các khoảng phân vị tương ứng theo công thức:

$$DT = c + \left(\frac{ĐG - a}{b - a}\right) \times (d - c)$$

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT**

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

Điểm trúng tuyển 2 năm gần nhất

T	Mã xét	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức	Năm 2025			Năm 2024		
						Chi tiêu	Nhận học	Điểm TT/T hang điểm xét	Chi tiêu	Nhận học	Điểm TT/T hang điểm xét
1	51140201_G	Giáo dục mầm non (Cao đẳng - đào tạo tại phân hiệu Gia Lai)	51140201	Giáo dục mầm non	401-NK	3	3	23.61/30			
2					405	20	20	24.4/30			
3	51140201_LA	Giáo dục mầm non (Cao đẳng - đào tạo tại phân hiệu Long An)	51140201	Giáo dục mầm non	401-NK	2	2	24.2/30			
4					405	22	22	25.1/30	61	61	18.7/30
5					406				1	1	21.43/30
6	7140101	Giáo dục học	7140101	Giáo dục học	100	76	80	22.35/30	53	58	24.82/30
8					401	24	24	21.24/30	7	7	20.54/30
9	7140103	Công nghệ giáo dục	7140103	Công nghệ giáo dục	100	30	17	19.25/30			
10					401	20	20	20.65/30			
11	7140114	Quản lý giáo dục	7140114	Quản lý giáo dục	100	30	38	23.44/30	54	51	25.22/30
13					303				2	2	
14					401	20	23	22.35/30	4	4	22.01/30
15	7140201	Giáo dục mầm non (đào tạo tại cơ sở chính)	7140201	Giáo dục mầm non	401-NK	43	43	25.1/30			
16					405	208	20	26.05/30	184	184	24.24/30
17					406				15	15	26.09/30
18	7140201_G	Giáo dục mầm non (đào tạo tại phân hiệu Gia Lai)	7140201	Giáo dục mầm non	401-NK	4	4	24.6/30			
19					405	50	50	25.15/30			
20	7140201_L	Giáo dục mầm non (đào tạo tại phân hiệu Long An)	7140201	Giáo dục mầm non	401-NK	15	15	24.49/30			
21					405	84	84	25.38/30	91	91	22/30
22					406				7	7	24.04/30
23	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	54	27	26/30	138	138	26.13/30

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT**

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

T	Mã xét	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phụ trợ	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét
2	4	(đào tạo tại cơ sở chính)			200				24	24	28.66/30
2	5				301	2	2	30/30	3	3	
2	6				303				25	25	
2	7				401	91	91	25.88/30	58	58	24.59/30
2	8				500-UTX TVA TT	46	46				
2	9	71402 02_G L (đào tạo tại phân hiệu Gia Lai)	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	34	7	23.75/30			
3	0				401	74	74	23.67/30			
3	1				500-UTX TVA TT	1	1				
3	2	71402 02_L A (đào tạo tại phân hiệu Long An)	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	28	1	25.25/30	101	101	24.73/30
3	3				200				10	10	28.01/30
3	4				303				2	2	
3	5				401	70	70	25.15/30	38	38	22.99/30
3	6	71402 03 (Đặc biệt)	7140203	Giáo dục Đặc biệt	100	37	37	27.2/30	35	35	26.5/30
3	7				200				3	3	27.72/30
3	8				301	2	2	30/30	3	3	
3	9				303				1	1	
4	0				401	18	18	25.9/30	8	8	22.94/30
4	1	71402 04 (Giáo dục Công dân)	7140204	Giáo dục Công dân	100	16	16	26.83/30	17	17	27.34/30
4	3				303				1	1	
4	4				401	12	12	26.31/30	1	1	24.2/30
4	5				500-UTX TVA TT	1	1				
4	71402	Giáo dục	7140	Giáo dục	100	10	10	10	27	10	27.58

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT**

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

T	Mã xét	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức	Năm 2025			Năm 2024			
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét	
6	05	Chính trị	205	Chính trị					15/30		/30	
4	7				200				2	2	28.22/30	
4	8				301	1	1	30/30	1	1		
4	9				303				3	3		
5	0				401	10	10	26.53/30	3	3	23.92/30	
5	1				500-UTX TVA TT	2	2					
5	2	71402 06	Giáo dục Thể chất (đào tạo tại cơ sở chính)	7140206	Giáo dục Thể chất	301	23	23	30/30	7	7	
5	3				303				5	5		
5	4				401-NK	1	1	26.33/30				
5	5				405	19	19	26.52/30	34	34	26.71/30	
5	6				406				5	5	27.07/30	
5	7	71402 06_L A	Giáo dục Thể chất (đào tạo tại phân hiệu Long An)	7140206	Giáo dục Thể chất	401-NK	1	1	24.07/30			
5	8				405	46	46	24.93/30	37	37	24.77/30	
5	9				406				3	3	26.05/30	
6	0	71402 08	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	100				17	17	27.28/30
6	1				200				1	1	28.01/30	
6	2				301					0		
6	3				401-NK	6	6	22.65/30	6	6	22.36/30	
6	4				405	27	27	23/30				
6	5				500-UTX TVA TT	1	1					
6	6	71402 08_L A	Giáo dục Quốc phòng - An ninh (đào tạo tại phân hiệu Long An)	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	401-NK	5	5	20.05/30			
6	7				405	19	19	20/30				

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT**

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

T	Mã xét	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phụ trợ	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét
68	7140209	Sư phạm Toán học (đào tạo tại cơ sở chính)	7140209	Sư phạm Toán học	100	56	56	28.25/30	41	41	27.6/30
69					200				9	9	29.55/30
70					301	14	14	30/30	4	4	
71					303				11	11	
72					401	65	65	27.66/30	23	23	27.96/30
73					500-UTX TVA TT	32	32				
74	7140209_LA	Sư phạm Toán học (đào tạo tại phân hiệu Long An)	7140209	Sư phạm Toán học	100	13	13	27.57/30	29	29	26.18/30
75					200				1	1	29.19/30
76					303				2	2	
77					401	33	33	26.92/30	9	9	27.18/30
78	7140210	Sư phạm Tin học	7140210	Sư phạm Tin học	100	24	24	23.23/30	68	68	24.73/30
79					200				5	5	27.7/30
80					301	3	3	30/30			
81					303				3	3	
82					401	78	78	22.47/30	11	11	23.18/30
83					500-UTX TVA TT	1	1	23.23/30			
84	7140211	Sư phạm Vật lý	7140211	Sư phạm Vật lý	100	6	6	28.42/30	17	17	27.25/30
85					301	12	12	30/30			
86					303					0	
87					401	8	8	28.16/30	5	5	26.3/30
88					500-UTX TVA TT	6	6				
8	71402	Sư phạm	7140	Sư phạm	100	5	5	29.52	11	11	27.67

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT**

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

T	Mã xét	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phur ong thức	Năm 2025			Năm 2024		
						Chi tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét	Chi tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét
9	12	Hoá học	212	Hoá học				/30			/30
9	0				200				1	1	29.81/30
9	1				301	8	9	30/30	2	2	
9	2				303				2	2	
9	3				401	7	7	28.14/30	4	4	28.25/30
9	4				500-UTX TVA TT	4	4				
9	5	71402 13	Sư phạm Sinh học 213	Sư phạm Sinh học	100	5	5	26.25/30	14	14	26.22/30
9	6				301	10	10	30/30	3	3	
9	7				303				2	2	
9	8				401	4	4	26.83/30		0	
9	9				500-UTX TVA TT	14	14				
1	0	71402 17	Sư phạm Ngữ văn (đào tạo tại cơ sở chính)	Sư phạm Ngữ văn	100	4	4	29.07/30	35	35	28.6/30
1	0				200				10	10	28.92/30
1	0				301	46	46	30/30	5	5	
1	0				303				9	9	
1	0				401	28	28	27.77/30	16	16	25.6/30
1	0				500-UTX TVA TT	28	28	29.07/30			
1	0	71402 17_L A	Sư phạm Ngữ văn (đào tạo tại phân hiệu Long An)	Sư phạm Ngữ văn	100	9	9	27.98/30	23	23	27.2/30
1	0				200				3	3	28.43/30

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT**

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

T	Mã xét	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét
108					301				1	1	
109					303				1	1	
110					401	34	34	26.67/30	9	9	24.56/30
111	7140218	Sư phạm Lịch sử	7140218	Sư phạm Lịch sử	100	6	6	28.73/30	13	13	28.6/30
112					301	13	13	30/30	2	2	
113					303				6	6	
114					500-UTX TVATT	11	11	28.73/30			
115	7140219	Sư phạm Địa lý	7140219	Sư phạm Địa lý	100	1	1	28.83/30	14	14	28.37/30
116					200				1	1	28.57/30
117					301	8	8	30/30	1	1	
118					303				5	5	
119					401	3	3	27.57/30			
120					500-UTX TVATT	23	23				
121	7140231	Sư phạm Tiếng Anh (đào tạo tại cơ sở chính)	7140231	Sư phạm Tiếng Anh	100	42	42	26.8/30	79	79	27.01/30
122					200				11	11	28.81/30
123					301	24	24	30/30	4	4	

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT**

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

T	Mã xét	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phur ong thức	Năm 2025			Năm 2024		
						Chi tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét	Chi tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét
1 2 4					303				13	13	
1 2 5					401	29	29	26.72 /30	47	47	26.12 /30
1 2 6					500-UTX TVA TT	71	71				
1 2 7	71402 31_L A	Sư phạm Tiếng Anh (đào tạo tại phân hiệu Long An)	7140 231	Sư phạm Tiếng Anh	100	16	16	25.65 /30	38	38	25.47 /30
1 2 8					200				2	2	28.07 /30
1 2 9					303				4	4	
1 3 0					401	38	38	25.41 /30	7	7	24.76 /30
1 3 1					500-UTX TVA TT	1	1				
1 3 2	71402 32	Sư phạm Tiếng Nga	7140 232	Sư phạm Tiếng Nga	100	18	18	22/30	22	22	23.69 /30
1 3 3					200				1	1	26.57 /30
1 3 4					401	9	9	21.25 /30			
1 3 5	71402 33	Sư phạm Tiếng Pháp	7140 233	Sư phạm Tiếng Pháp	100	15	14	21.75 /30	15	15	24.93 /30
1 3 6					200				2	2	25.99 /30
1 3 7					301	1	1	30/30			
1 3 8					401	13	13	21.46 /30	2	2	24.06 /30
1 3 9	71402 34	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	7140 234	Sư phạm Tiếng Trung Quốc	100	13	13	25.41 /30	15	15	26.44 /30

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT**

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

T	Mã xét	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phur ong thức	Năm 2025			Năm 2024		
						Chi tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét	Chi tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét
1400					200				2	2	28.16/30
1411					301	2	2	30/30			
1433					401	5	5	25.15/30	2	2	25.51/30
1444					500-UTX TVATT	1	1				
1445	7140246	Sư phạm công nghệ	7140246	Sư phạm công nghệ	100	4	4	22.85/30	25	25	24.31/30
1446					200				3	3	27.5/30
1447					401	40	40	22.36/30	2	2	22.31/30
1448	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	100	45	47	26.38/30	205	205	25.6/30
1449					200				17	17	28.68/30
1450					301	1	1	30/30			
1451					303				2	2	
1452					401	166	166	25.6/30	31	31	25.13/30
1453					500-UTX TVATT	12	12				
1454	7140247_G	Sư phạm khoa học tự nhiên (đào tạo tại phân hiệu Gia Lai)	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	100	5	8	23.23/30			
1455					401	41	41	22.02/30			
1456	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	100	111	111	27.59/30	132	132	27.75/30

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT**

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

T	Mã xét	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phur ong thức	Năm 2025			Năm 2024		
						Chi tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét	Chi tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét
157					200				77	28.23/30	
158					301	11	30/30		0		
159					303				99		
160					401	3030	26.3/30				
161					500-UTX TVA TT	55					
162	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý (đào tạo tại phân hiệu Long An)	7140249	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	100	2424	27.15/30				
163					401	1919	25.83/30				
164					500-UTX TVA TT	11					
165	7220101	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	7220101	Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam	500	107		20	0		
166	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	100	6769	24.8/30	1478	138	25.86/30	
167					200			10	10	28.1/30	
168					301	11	30/30		0		
169					303			10	10		
170					401	130140	24.49/30	3333	33	24.82/30	
171					500-UTX TVA TT	22					
172	7220202	Ngôn ngữ Nga	7220202	Ngôn ngữ Nga	100	9395	18.25/30	7082	82	22/30	

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT**

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

T	Mã xét	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phur ong thứ	Năm 2025			Năm 2024		
						Chi tiêu u	Nh hợ c	Điểm TT/T hang điểm xét	Chi tiêu u	Nh hợ c	Điểm TT/T hang điểm xét
173					401	7	7	20.26/30			
174	7220203	Ngôn ngữ Pháp	7220203	Ngôn ngữ Pháp	100	94	64	19/30	94	102	22.7/30
175					200				1	1	25.4/30
176					303				1	1	
177					401	5	5	18.9/30	4	4	20.7/30
178					500-UTX TVA TT	1	1				
179	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	100	140	143	22.75/30	174	184	25.05/30
180					200				15	15	27.53/30
181					301	1	1	30/30		0	
182					303				5	5	
183					401	58	58	22.2/30	21	21	21.95/30
184					500-UTX TVA TT	1	1				
185	7220209	Ngôn ngữ Nhật	7220209	Ngôn ngữ Nhật	100	100	58	21/30	134	132	23.77/30
186					200				5	5	26.65/30
188					401	50	30	20.43/30	11	11	20.2/30
189	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	100	60	39	22/30	80	83	25.02/30

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT**

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

T	Mã xét	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét
190					200				3	3	27.57/30
191					303				3	3	
192					401	40	17	21.41/30	14	14	22.29/30
193	7229030	Văn học	7229030	Văn học	100	11	12	27.5/30	73	84	26.62/30
194					200				4	4	28.17/30
195					301				3	3	
196					303				7	7	
197					401	85	95	26.16/30	13	13	24.29/30
198					500-UTX TVA TT	4	4				
200	7310401	Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	100	70	0	28/30	88	84	27.1/30
201					200				4	4	28.57/30
202					301	7	7	30/30	4	4	
203					303				4	4	
204					401	22	0	28.08/30			
205					500-UTX TVA TT	1	1				
205	7310403	Tâm lý học giáo dục	7310403	Tâm lý học giáo dục	100	70	0	27.32/30	85	89	26.03/30

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT**

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

T	Mã xét	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phur ong thứ	Năm 2025			Năm 2024		
						Chi tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét	Chi tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét
206					200				3	3	27.74/30
207					301	2	2	27.32/30	1	1	
208					303				1	1	
209					401	27	0	0/30			
210					500-UTX TVA TT	1	1				
211	7310501	Địa lý học	7310501	Địa lý học	100	32	36	26.73/30	47	55	25.17/30
212					200				2	2	27.03/30
213					301				1	1	
214					401	18	18	25.43/30			
215	7310601	Quốc tế học	7310601	Quốc tế học	100	94	99	21.25/30	99	104	24.42/30
217					301	1	1	30/30			
218					303				1	1	
219					401	5	10	20.63/30			
220	7310630	Việt Nam học	7310630	Việt Nam học	100	60	64	25.95/30	65	71	25.28/30
221					200				2	2	27.2/30
222					301				1	1	
2					401	40	44	24.64	12	12	22.21

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT**

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

T	Mã xét	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phụ trợ	Năm 2025			Năm 2024		
						Chi tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét	Chi tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét
23								/30			/30
224	7420203	Sinh học ứng dụng	7420203	Sinh học ứng dụng	100	24	21	19.5/30	27	28	21.9/30
225					200				1	1	27.95/30
226					401	26	25	19.74/30	2	2	19.51/30
227	7440102	Vật lý học	7440102	Vật lý học	100	30	35	24.25/30	38	42	24.44/30
228					200				2	2	28.32/30
229					303				3	3	
230					401	69	81	23.6/30	7	7	21.29/30
231					500-UTX TVA TT	1	1				
232	7440112	Hoá học	7440112	Hoá học	100	30	38	24.75/30	83	88	24.65/30
233					200				6	6	28.25/30
234					303				1	1	
235					401	70	81	23.38/30	10	10	23.23/30
236	746012	Toán ứng dụng	7460112	Toán ứng dụng	100	9	9	26.23/30			
237					401	39	41	25.37/30			
238					500-UTX TVA TT	2	2				
27802	74802	Công nghệ	7480	Công nghệ	100	122	11	19/30	151	15	23.05

**ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT**

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

T	Mã xét	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức	Năm 2025			Năm 2024		
						Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét	Chỉ tiêu	Nhập học	Điểm TT/T hang điểm xét
39	01	thông tin	201	thông tin			7		6		/30
240					200				5	5	27.96/30
241					303				1	1	
242					401	27	27	19.18/30	13	13	20.51/30
243					500-UTX TVATT	1	1	19/30			
244	77601	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	100	59	55	25.63/30	86	88	24.44/30
245					200				4	4	26.83/30
246					301	3	3	30/30			
247					401	37	33	24.32/30			
248					500-UTX TVATT	1	1				
249	78101	Du lịch	7810101	Du lịch	100	74	70	25.89/30	97	86	25.25/30
250					200				3	3	27.5/30
251					401	26	26	24.63/30			

Ghi chú: mã phương thức quy định như sau:

- 100: Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT;
- 200: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT;
- 301: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh;

## ĐIỂM TRÚNG TUYỂN CỦA 2 NĂM GẦN NHẤT

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:35

---

- 303: Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên;
- 401: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB;
- 401-NK: Xét tuyển sử dụng kết quả thi ĐGNLCB kết hợp thi năng khiếu;
- 405: Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu;
- 406: Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi năng khiếu;
- 500-UTXTVATT: Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên.

1. Hồ sơ

Đối với phương thức xét tuyển

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (khai báo trực tuyến);

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (theo mẫu, sẽ cập nhật sau), các minh chứng theo yêu cầu của xét tuyển (khai báo trực tuyến).

Đối với các phương thức còn lại: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thí sinh cần cung cấp bổ sung minh chứng xét tuyển phù hợp với yêu cầu của phương thức xét tuyển)

2. Thời gian, phương thức đăng ký xét tuyển

Đối với phương thức xét tuyển thẳng: đăng ký và cung cấp minh chứng xét tuyển trực tuyến tại [xettuyen.hcmue.edu.vn](http://xettuyen.hcmue.edu.vn) từ ngày 01/6/2026 đến 17h00 ngày 20/6/2026.

Đối với các phương thức còn lại: đăng ký theo hướng dẫn và khung thời gian của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thời gian cung cấp minh chứng xét tuyển đối với các phương thức còn lại: dự kiến từ 25/6 đến 15/7/2026. Trường sẽ có thông báo sau.

Trích khoản 5 điều 8 Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng được ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

- 1) Thí sinh quy định tại khoản 1, 2 Điều này dự tuyển vào các chương trình đào tạo theo nguyện vọng mà không dùng quyền tuyển thẳng;
- 2) Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đạt giải trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia dự tuyển vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;
- 3) Thí sinh đạt huy chương vàng, bạc, đồng các giải thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là vận động viên kiện tướng quốc gia dự tuyển vào các ngành thể dục thể thao phù hợp; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển;
- 4) Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, mỹ thuật dự tuyển vào các chương trình đào tạo nghệ thuật phù hợp; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển;
- 5) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế dự tuyển vào các chương trình đào tạo phù hợp với nghề đã đạt giải; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính theo năm đến thời điểm xét tuyển.

Trích khoản 1, 2, 3, 4 điều 8 Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng được ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

**Điều 8. Đối tượng xét tuyển thăng và ưu tiên xét tuyển**

1. Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc được tuyển thăng vào các chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo quy định.

2. Thí sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi, giải đấu cấp quốc gia hoặc quốc tế, do Bộ GDĐT, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức, cử tham gia, được xét tuyển thăng vào chương trình đào tạo phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đạt giải; cụ thể trong các trường hợp sau:

a) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm xét tuyển thăng;

b) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của chương trình đào tạo. Thời gian đạt giải không quá 03 năm tính tới thời điểm nếu được xét tuyển thăng;

c) Thí sinh đạt giải chính thức trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; thời gian đạt giải không quá 04 năm tính tới thời điểm xét tuyển thăng;

d) Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á; thời gian đạt giải không quá 04 năm, tính đến thời điểm xét tuyển thăng;

đ) Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ GDĐT cử tham gia; thời gian đạt giải không quá 03 năm tính đến thời điểm xét tuyển thăng;

e) Việc xét tuyển thăng hoặc không được xét tuyển thăng các đối tượng quy định tại điểm b, c, d, đ của khoản này do cơ sở đào tạo quyết định.

3. Thí sinh có bằng trung cấp ngành sư phạm loại giỏi trở lên hoặc có bằng trung cấp ngành sư phạm loại khá và có ít nhất 02 năm làm việc đúng ngành được xét tuyển thăng vào ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng.

4. Giám đốc, hiệu trưởng cơ sở đào tạo (sau đây gọi chung là Hiệu trưởng) căn cứ kết quả học tập cấp THPT của thí sinh và yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo do Hiệu trưởng quy định xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp quy định dưới đây (trường hợp cần thiết kèm theo điều kiện thí sinh phải học 01 năm bổ sung kiến thức trước khi vào học chính thức):

a) Thí sinh là người nước ngoài đã đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT;

b) Thí sinh là người Việt Nam học tập cấp THPT, trung học nghề ở nước ngoài hoặc học tập chương trình giáo dục nước ngoài bằng tiếng nước ngoài ở Việt Nam đạt trình độ tương đương với trình độ THPT, trung học nghề của Việt Nam và đạt chuẩn năng lực ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo phù hợp với quy định của Bộ GDĐT.

c) Thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người theo quy định hiện hành của Chính phủ;

d) Thí sinh là người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; có khả năng theo học một số chương trình đào tạo do cơ sở đào tạo quy định nhưng không có khả năng dự tuyển theo phương thức tuyển sinh bình thường.

## PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN THĂNG

Thứ ba, 14 Tháng 4 2026 15:31

---

Trường thực hiện xét tuyển thăng cho thí sinh thỏa các điều kiện quy định tại Điều 8 Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non được ban hành theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (*thí sinh xem chi tiết [tại đây](#)*).

Riêng đối với ngành **Giáo dục Mầm non, Giáo dục Quốc phòng - An ninh** thí sinh phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường tổ chức và đạt từ **6,5 điểm trở lên đối với mỗi môn** .

**Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển:** thí sinh xem chi tiết [tại đây](#)

**1. Đối với các ngành Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh**

**1.1. Ưu tiên xét tuyển**

- Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh

+ Đối với thí sinh xét tuyển ngành **Giáo dục Mầm non (trình độ đại học)**, và **Giáo dục Quốc phòng - An ninh**: phải **tham gia kỳ thi năng khiếu** do Trường tổ chức và **đạt từ 6.5 điểm** trở lên đối với mỗi môn thi, có **học lực lớp 12 đạt loại Tốt** và **tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 18.00 trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT đạt 8.5 trở lên**.

+ Đối với thí sinh xét tuyển ngành **ngành Giáo dục Thể chất**: phải **tham gia kỳ thi năng khiếu** do Trường tổ chức và **đạt từ 6.5 điểm** trở lên đối với mỗi môn thi, có **học lực lớp 12 đạt loại Khá** và **tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 16.50 trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT đạt 6.5 trở lên**. Trường hợp thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại Xuất sắc (từ 9.0 trở lên theo thang điểm 10.0 cho mỗi môn năng khiếu) sẽ không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

+ Đối với thí sinh xét tuyển ngành **Giáo dục Mầm non (trình độ cao đẳng)**: phải **tham gia kỳ thi năng khiếu** do Trường tổ chức và **đạt từ 6.5 điểm** trở lên đối với mỗi môn thi, có **học lực lớp 12 đạt loại Khá**.

- Xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên: chỉ áp dụng với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026.

+ Đối với thí sinh xét tuyển ngành **Giáo dục Mầm non (trình độ đại học)**, và **Giáo dục Quốc phòng - An ninh**: phải **tham gia kỳ thi năng khiếu** do Trường tổ chức và **đạt từ 6.5 điểm** trở lên đối với mỗi môn thi, có **học lực lớp 12 chuyên đạt loại Tốt** và **tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 18.00 trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT đạt 8.5 trở lên**.

+ Đối với thí sinh xét tuyển ngành **Giáo dục Thể chất**: phải **tham gia kỳ thi năng khiếu** do Trường tổ chức và **đạt từ 6.5 điểm** trở lên đối với mỗi môn thi, có **học lực lớp 12 chuyên đạt loại Khá** và **tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 16.50 trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT đạt 6.5 trở lên**. Trường hợp thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại Xuất sắc (từ 9.0 trở lên theo thang điểm 10.0 cho mỗi môn năng khiếu) sẽ không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

+ Đối với thí sinh xét tuyển ngành **Giáo dục Mầm non (trình độ cao đẳng)**: phải **tham gia kỳ thi năng khiếu** do Trường tổ chức và **đạt từ 6.5 điểm** trở lên đối với mỗi môn thi, có **học lực lớp 12 chuyên đạt loại Khá**.

- Xét tuyển thí sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học

+ Đã hoàn thành chương trình dự bị đại học.

+ Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành xét tuyển trong năm tuyển sinh 2025.

**1.2. Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 kết hợp thi năng khiếu**

Thí sinh phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức và có kết quả đạt từ 5.0 điểm trở lên đối với mỗi môn thi và đáp ứng điểm ngưỡng đầu vào được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành đào tạo giáo viên (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026).

### 1.3. Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt kết hợp thi tuyển môn năng khiếu

Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026, phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức và có kết quả đạt từ 5.0 điểm trở lên đối với mỗi môn thi và đáp ứng các điều kiện sau theo từng ngành:

*Thí sinh dự xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non (trình độ đại học)*

- Có học lực lớp 12 đạt loại Tốt và **tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 18.00 trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT đạt 8.5 trở lên.**

- Đáp ứng điểm ngưỡng đầu vào được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành đào tạo giáo viên (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026).

*Thí sinh dự xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non (trình độ cao đẳng)*

- Có học lực lớp 12 đạt loại Khá.

- Đáp ứng điểm ngưỡng đầu vào được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành đào tạo giáo viên (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026).

*Thí sinh dự xét tuyển ngành Giáo dục Thể chất*

- Có học lực lớp 12 đạt loại Khá và **tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 16.50 trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT đạt 6.5 trở lên.**

- Đáp ứng mức điểm ngưỡng đầu vào được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành đào tạo giáo viên (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026).

Trường hợp thí sinh là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế, hoặc có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại Xuất sắc (từ 9.0 trở lên theo thang điểm 10.0 cho mỗi môn năng khiếu) sẽ không phải áp dụng ngưỡng đầu vào.

*Thí sinh dự xét tuyển ngành Giáo dục Quốc phòng - An ninh*

- Có học lực lớp 12 đạt loại Tốt và **tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 18.00 trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT đạt 8.5 trở lên.**

- Đáp ứng mức điểm ngưỡng đầu vào được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành đào tạo giáo viên (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026).

## 2. Đối với ngành Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam

Thí sinh là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài, đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

## 3. Đối với các ngành còn lại

### 3.1. Ưu tiên xét tuyển

- Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh: thí sinh **tốt nghiệp THPT**, có **học lực lớp 12 đạt loại Tốt** và **tổng**

*điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 18.00 trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT đạt 8.5 trở lên.*

- Xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên: thí sinh **tốt nghiệp THPT năm 2026**, có **học lực lớp 12 chuyên đạt loại Tốt** và *tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 18.00 trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT đạt 8.5 trở lên.*

- Xét tuyển thí sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học

+ Đã hoàn thành chương trình dự bị đại học.

+ Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành xét tuyển trong năm tuyển sinh 2025.

### 3.2. Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Thí sinh cần đáp ứng điểm ngưỡng đầu vào được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành đào tạo giáo viên (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026).

### 3.3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi đánh giá năng lực chuyên biệt

Phương thức xét tuyển này chỉ áp dụng đối với thí sinh **tốt nghiệp THPT năm 2026**, tham gia kỳ thi đánh giá năng lực chuyên biệt do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức trong năm 2025, 2026 hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tổ chức năm 2026 và có kết quả môn chính đạt từ 5.0 điểm trở lên, đồng thời phải thỏa các điều kiện sau:

+ Có học lực lớp 12 đạt loại Tốt và *tổng điểm 3 môn thi tốt nghiệp THPT theo tổ hợp xét tuyển đạt 18.00 trở lên hoặc có điểm xét tốt nghiệp THPT đạt 8.5 trở lên.*

+ Đáp ứng mức điểm ngưỡng đầu vào được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành đào tạo giáo viên (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026)

Bên cạnh việc xét tuyển thẳng đối với các thí sinh thoả các điều kiện tại Khoản 1 đến Khoản 4, Điều 8, Quy chế tuyển sinh các ngành trình độ đại học và tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng được ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (*thí sinh xem chi tiết [tại đây](#)*), Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có các phương thức xét tuyển như sau:

1. Ưu tiên xét tuyển

1.1. Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh

Trường xét tuyển những thí sinh thoả các điều kiện theo Khoản 5, Điều 8, Quy chế tuyển sinh các ngành trình độ đại học và tuyển sinh ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng được ban hành kèm theo Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (*thí sinh xem chi tiết [tại đây](#)*).

Riêng đối với ngành **Giáo dục Mầm non, Giáo dục Quốc phòng - An ninh** thí sinh phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường tổ chức và đạt từ 6,5 điểm trở lên.

1.2. Xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên

Đối với mỗi ngành học, Trường xét tuyển những thí sinh đã tốt nghiệp các trường Trung học phổ thông (*thí sinh xem chi tiết tại [Phụ lục 2](#)*) có xếp loại học lực **lớp 12 chuyên** năm học 2025 - 2026 **từ Tốt trở lên** và đạt một trong các điều kiện theo thứ tự ưu tiên sau vào ngành đúng hoặc ngành gần (*thí sinh xem chi tiết tại [Phụ lục 1](#) và [Phụ lục 4](#)*):

- a) Tham gia đội tuyển học sinh giỏi quốc gia hoặc đội tuyển cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia;
- b) Đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức;
- c) Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trở lên hoặc tương đương theo [Phụ lục 3](#) (áp dụng đối với các ngành ngoại ngữ theo danh mục ngành đúng ngành gần);
- d) Có học lực năm học lớp 10 và 11 chuyên đạt loại Tốt.

Riêng đối với ngành **Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh** thí sinh phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường tổ chức và đạt từ 6,5 điểm trở lên.

**Hình thức xét tuyển:** xét tuyển từ cao xuống thấp theo thứ tự ưu tiên của các tiêu chí cho đến khi đủ chỉ tiêu.

1.3. Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài

- Trường hợp này chỉ áp dụng đối với ngành Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam.
- Trường xét tuyển dựa trên kết quả học tập THPT hoặc tương đương của thí sinh.

1.4. Đối với thí sinh hoàn thành chương trình dự bị đại học

Trường xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT, đã hoàn thành chương trình dự bị đại học và đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định vào các ngành tương ứng theo danh sách đề nghị từ các trường dự bị đại học.

2. Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026

Phương thức tuyển sinh này áp dụng cho tất cả các ngành trừ ngành Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

**Mô tả phương án**

Với mỗi ngành học, Trường sử dụng tổ hợp 03 môn thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 để xét tuyển.

**Hình thức xét tuyển**

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển (từng môn thi chấm theo thang điểm 10) cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$D_{XT} = D_{M1} + D_{M2} + D_{M3} + D_{UT}$$

Trong đó:

$D_{XT}$ : điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$D_{M1}$ ,  $D_{M2}$ ,  $D_{M3}$ : điểm môn thi thứ nhất, thứ hai, thứ ba theo tổ hợp xét tuyển;

$D_{UT}$ : điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

**3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi đánh giá năng lực chuyên biệt**

Phương thức tuyển sinh này áp dụng cho tất cả các ngành trừ ngành Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

**Mô tả phương án**

Ứng với từng tổ hợp xét tuyển vào các ngành học, Trường sử dụng kết quả từ kỳ thi đánh giá năng lực chuyên biệt do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tổ chức cho môn chính và kết quả học tập ở THPT cho hai môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển để xét tuyển.

Môn chính đối với mỗi ngành học được xác định theo từng tổ hợp xét tuyển và được công bố theo [phụ lục 6](#).

**Hình thức xét tuyển**

Điểm xét tuyển được xác định: điểm bài thi đánh giá năng lực chuyên biệt của môn chính, cộng với điểm hai môn còn lại trong tổ hợp là điểm trung bình môn trong **06 học kỳ ở THPT**. Tổng điểm này được quy đổi về thang điểm 30 và cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân theo công thức sau đây:

$$D_{XT} = (0.5 \times D_{MC} + 0.35 \times D_{HB1} + 0.15 \times D_{HB2}) \times 3 + D_{UT}$$

Trong đó:

$D_{XT}$ : điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$D_{MC}$ : điểm môn chính được lấy từ kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2025, 2026 hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tổ chức năm 2026 (được quy đổi về thang điểm 10);

$D_{HB1}$ ,  $D_{HB2}$ : điểm trung bình 06 học kỳ ở THPT của hai môn còn lại theo tổ hợp xét tuyển. Môn học bạ 1 được quy định cụ thể cho từng tổ hợp theo [phụ lục 6](#);

$D_{UT}$ : điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

4. Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 kết hợp thi tuyển môn năng khiếu

Phương thức tuyển sinh này chỉ áp dụng cho ngành **Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Quốc phòng - An ninh**.

### **Mô tả phương án**

Với mỗi ngành học, Trường sử dụng kết quả bài thi Ngữ văn hoặc Toán của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và 02 môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức để xét tuyển.

### **Hình thức xét tuyển**

- Điểm xét tuyển là tổng điểm bài thi Ngữ văn hoặc Toán của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 (theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển) với điểm thi 02 môn thi năng khiếu do Trường tổ chức, cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$D_{XT} = D_M + D_{NK1} + D_{NK2} + D_{UT}$$

Trong đó:

$D_{XT}$ : điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$D_M$ : điểm bài thi Ngữ văn hoặc Toán;

$D_{NK1}$ ,  $D_{NK2}$  : điểm môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức;

$D_{UT}$ : điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu

5. Xét tuyển sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt kết hợp thi tuyển môn năng khiếu

Phương thức tuyển sinh này chỉ áp dụng cho các ngành **Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Quốc phòng - An ninh**.

### **Mô tả phương án**

Với mỗi ngành học, Trường sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt môn Toán hoặc Ngữ văn (tùy theo tổ hợp xét tuyển) và 02 môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức để xét tuyển.

### **Hình thức xét tuyển**

- Điểm xét tuyển là tổng điểm bài thi đánh giá năng lực chuyên biệt môn Toán hoặc Ngữ văn (tùy theo tổ hợp xét tuyển) với điểm thi 02 môn thi năng khiếu do Trường tổ chức cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$Đ_{XT} = Đ_{NL} + Đ_{NK1} + Đ_{NK2} + Đ_{UT}$$

Trong đó:

$Đ_{XT}$ : điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$Đ_{NL}$ : điểm bài thi đánh giá năng lực chuyên biệt môn Toán hoặc Ngữ văn do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2025, 2026 hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tổ chức năm 2026 (được quy đổi về thang điểm 10);

$Đ_{NK1}$ ,  $Đ_{NK2}$ : điểm môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức;

$Đ_{UT}$ : điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.